**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ**

**Số:……/2019/HĐHTĐT/VT**

**Giữa**

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VIỆT TÍN**

**Và**

**ÔNG/BÀ:[\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_]**

***CĂN CỨ:***

*- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;*

*- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*- Theo nhu cầu và khả năng của các bên,*

Hôm nay, ngày [\_\_\_\_\_\_\_], tại văn phòng của Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ viễn thông Việt Tín, chúng tôi gồm có:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BÊN A** | **: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VIỆT TÍN** | | |
| Mã số doanh nghiệp | : 0106798318 | | |
| Địa chỉ trụ sở chính | : Số 4, Ngách 178/48, phố Tây Sơn, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | | |
| Số tài khoản | :[\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | | |
| Điện thoại | :[\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | Email | :[\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] |
| Đại diện bởi | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | Chức vụ | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] |
| **BÊN B** | **: [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_]** | | |
| Số CMND, CCCD, Hộ chiếu | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_]  Ngày cấp: Nơi cấp | | |
| Địa chỉ thường trú | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | | |
| Số tài khoản | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | | |
| Điện thoại | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] | Email | : [\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_] |

***XÉT RẰNG:***

* *Bên B đang có mong muốn hợp tác với Bên A để đầu tư vào các sản phẩm tài chính được phép giao dịch trên thị trường, bao gồm như danh mục sản phẩm tài chính được nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này;*
* *Bên A là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đội ngũ nhân sự có chuyên môn để tư vấn đầu tư vào các sản phẩm tài chính theo định hướng hợp tác của Bên B và thực hiện các hoạt động hợp tác trên cơ sở phí và hợp đồng.*

Sau khi tự nguyện trao đổi và thống nhất, các Bên cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư với các điều kiện và điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA**

1.1 Người hợp tác – Tên gọi của cá nhân tham gia vào hợp đồng hợp tác đầu tư với Bên A;

1.2 Bên A - Được sử dụng để gọi tắt Công ty TNHH Công Nghệ và Dịch Vụ Viễn Thông Việt Tín;

1.3 Trang chủ hay trang chủ chính thức - được sử dụng thay cho http://savenow.vn;

1.4 Giá trị tài sản (account balance) - số dư tài khoản của Bên B;

1.5 Mã định danh (unique ID hay UID) – là một mã riêng biệt trong hệ thống của Bên A để xác nhận thông tin của Bên B;

1.6 Mã lệnh (Transaction ID hay TID) – là một mã riêng biệt trong hệ thống của Bên A để xác nhận thông tin đặt lệnh của Bên B;

1.7 Sản phẩm tài chính – Có thể bao gồm Quỹ mở, quỹ đóng, cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, ETF (Exchange Traded Fund), quyền tài sản và các sản phẩm khác được giao dịch trên thị trường tài chính;

1.8 Net asset value (NAV) là kết quả đạt được từ sản phẩm đầu tư tài chính;

1.9 Số tiền đầu tư hay tiền đầu tư - Được sử dụng đồng nghĩa với số tiền vốn hay số tiền vốn góp và ngược lại;

1.10 Danh sách quỹ mở: Danh sách quỹ mở và các sản phẩm khác sẽ được cập nhật liên tục bằng thông báo của bên A gửi bên B để hai bên có quyết định hợp tác đầu tư chính xác và kịp thời và được coi là Phụ lục và là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này.

**ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ**

Bằng hợp đồng này, Bên A và Bên B cùng hợp tác để đầu tư vào các sản phẩm tài chính theo Danh sách quỹ mở được nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này, theo các thỏa thuận, điều kiện của Hợp đồng này.

**ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC HỢP TÁC ĐẦU TƯ**

3.1. Bên A bằng khả năng, trình độ chuyên môn của mình tư vấn cho Bên B để Bên B lựa chọn đầu tư vào các quỹ nằm trong danh sách nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này;

3.2. Bên B bằng khả năng tài chính của mình sẽ góp vốn cùng Bên A để Bên A thực hiện việc đầu tư vào các quỹ Bên B đã lựa chọn nằm trong danh sách nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này. Theo đó Bên B sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản của Bên A thông qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán để Bên A thực hiện việc đầu tư thông qua các tài khoản giao dịch của Bên A tại các Quỹ.

# ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH

4.1. Mọi khoản thu chi cho hoạt động kinh doanh đều phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ và xác thực.

4.2. Doanh thu phát sinh có thể được ghi nhận trong các trường hợp sau đây:

* Cổ tức được thanh toán bởi các quỹ mở;
* Các khoản thu nhập khác.

Trong trường hợp có doanh thu phát sinh, Bên A sẽ có trách nhiệm thanh toán vào thẳng tài khoản sử dụng của Bên B tại Bên A.

4.3. Chi phí phát sinh được tính với các trường hợp sau đây:

- Phí giao dịch;

- Lỗ vì kết quả hoạt động từ các quỹ mở;

- Chi phí khác.

4.4 Vốn hợp tác đầu tư

Bên B xác nhận nội dung đầu tư thông qua thao tác đặt lệnh đầu tư và các thao tác khác tại trang chủ của Bên A. Để tránh hiểu nhầm các bên cùng xác định rằng, vốn hợp tác đầu tư của Bên B là số tiền được chuyển tới tài khoản của Bên A.

**ĐIỀU 5. DOANH THU, LỢI NHUẬN VÀ PHÂN CHIA KẾT QUẢ ĐẨU TƯ**

* 1. *Doanh thu gồm:*

- Toàn bộ khoản tài chính thu được từ hoạt động hợp tác đầu tư nêu tại Hợp đồng này phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Hai Bên đã nêu tại Hợp Đồng Này được xác định dựa trên NAV của các quỹ mà Hai Bên thống nhất đầu tư.

- Các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư (nếu có).

*5.2 Lợi nhuận và phân chia kết quả đầu tư*

Hai Bên thống nhất phân chia kết quả hợp tác đầu tư như sau:

- Bên B được hưởng toàn bộ lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư. Việc xác định kết quả đầu tư dựa trên việc tính toán từ NAVs của các quỹ với cấu trúc phân bổ của Bên B tại thời điểm đó cùng với số vốn góp của Bên B.

Bên B có thể đăng nhập vào tài khoản do Bên A tạo cho Bên B tại trang chủ để kiểm tra giá trị tài sản của Bên B tại thời điểm đăng nhập. Giá trị tài sản của Bên B tại thời điểm đó chính là kết quả đầu tư của Bên A đã tư vấn cho Bên B. Giá trị đó là giá trị mà Bên B có thể đặt lệnh rút.

- Bên A được hưởng lợi nhuận là khoản phí thù lao Bên A tư vấn cho Bên B đầu tư. Khoản phí này được công bố công khai tại trang chủ của Bên A. Để tránh hiểu nhầm, khoản phí thù lao này Bên A được hưởng không phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Bên B và Bên A đối với gói sản phẩm tài chính mà Hai Bên lựa chọn đầu tư tại từng thời điểm.

# ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN a

6.1. Tư vấn, cung cấp cho Bên B các thông tin có liên quan đến các quỹ đầu tư theo danh sách nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này;

6.2. Được Bên B ủy quyền sử dụng khoản tiền Bên B đã góp vốn để đầu tư vào các sản phẩm tài chính theo Danh sách quỹ mở được nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này sau khi có sự thống nhất với Bên B. Các bên thống nhất rằng, sự đồng ý của Bên B được thể hiện bởi các thao tác của Bên B về việc lựa chọn sản phẩm đầu tư trên trang chủ của Bên A.

6.3 Được chủ động thực hiện việc kiểm soát hoạt động kinh doanh cho tài khoản kinh doanh của Bên B theo quy định của Hợp đồng này.

6.4. Đảm bảo tính minh bạch trong cung cấp thông tin cho Bên B.

6.5. Đảm bảo độ bảo mật, chất lượng hệ thống và ổn định Tài khoản của Bên B.

6.6. Thực hiện việc cập nhật cần thiết cho hệ thống để luôn cải thiện chất lượng dịch vụ tới Bên B.

6.7. Bên A có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với mọi phát sinh tranh chấp giữa Bên A và các bên thứ ba có liên quan đến việc Hợp tác đầu tư giữa hai Bên.

6.8. Đại diện Bên B nhận và thực hiện việc phân chia cổ tức (nếu có) hay lãi suất (nếu có) từ các sản phẩm tài chính liên quan tới Bên B bằng cách tái đầu tư vào tài khoản Bên B, số tiền cổ tức (nếu có) hoặc lãi suất (nếu có) sẽ được chia thẳng vào tài khoản của Bên B.

6.9. Định kỳ cập nhật kết quả hoạt động tới Bên B theo hình thức phù hợp nhất.

6.10. Rà soát, kiểm định và xác nhận thông tin Bên B (Know Your Customer) nhằm đảm bảo Bên B không sử dụng hệ thống Savenow như là một hình thức rửa tiền. Nếu trong quá trình Bên B sử dụng Savenow và có những biểu hiện bất thường, Bên A sẽ thực hiện những quyền hạn có thể đối với Bên B và thông báo tới các cơ quan quản lý cần thiết về hoạt động bất thường của Bên B.

6.11. Từ chối hợp tác với Bên B nếu Bên B vi phạm các điều khoản của Bên A. Điều khoản của Bên A có thể tìm thấy thêm tại Nội Dung Sử Dụng tại trang chủ.

6.12. Bên A sẽ có nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế đối với khoản thu nhập thu được từ việc thu phí của Bên B.

**ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

7.1. Có trách nhiệm đảm bảo tính hợp pháp đối với nguồn vốn hợp tác đầu tư của Bên B và thực hiện chuyển tiền tới tài khoản của Bên A.

7.2. Sử dụng hệ thống của Bên A làm nơi thực hiện đặt lệnh đầu tư, đặt lệnh rút và các hoạt động liên quan khác trên hệ thống và công nhận các thao tác trên hệ thống của Bên A là thao tác hợp lệ, hợp pháp và có quyền hạn ngang với việc sử dụng giấy tờ. Bên B công nhận sử dụng và thực hiện các thao tác trên hệ thống thay cho chữ kí bằng tay (chữ kí tươi) của Bên B.

7.3. Bên B có trách nhiệm in ba (03) bản hợp đồng này với chữ kí của Bên B và gửi về địa chỉ đã cung cấp phía trên. Nếu không thì Bên B công nhận hợp đồng này có hiệu lực tức thì tại thời điểm mở tài khoản của Bên B tại Bên A và coi hợp đồng này có tính pháp lý và hiệu lực ngang với hợp đồng có chữ kí bằng tay (chữ ký tươi).

7.4. Chấp nhận toàn bộ kết quả hoạt động của các sản phẩm tài chính được gửi về cho Bên A.

7.5. Các quyền và nghĩa vụ khác của Bên B được xác định theo hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

7.6. Ủy quyền cho Bên A được sử dụng khoản tiền của Bên B đã góp vốn để đầu tư vào các sản phẩm tài chính theo Danh sách quỹ mở được nêu tại Phụ lục của Hợp đồng này sau khi có sự thống nhất với Bên B. Các bên thống nhất rằng, sự đồng ý của Bên B được thể hiện bởi các thao tác của Bên B về việc lựa chọn sản phẩm đầu tư trên trang chủ của Bên A.

7.7. Bên B có quyền khiếu nại tới Bên A. Để giải quyết khiếu nại của Bên B, Bên A sẽ thực hiện các bước cần thiết để giải quyết khiếu nại của Bên B một cách hợp lý. Nếu khiếu nại của hai bên vẫn chưa được giải quyết hợp lý, hai bên có thể chỉ định một bên thứ ba để đứng ra thực hiện việc giải quyết một cách hợp lý.

7.8. Thông tin cung cấp bởi Bên B cam kết với Bên A là thông tin chính xác của Bên B. Mọi thông tin sai sót sẽ làm ảnh hưởng đến quy trình đầu tư và rút vốn từ hệ thống.

7.9. Nhằm tạo sự thuận tiện cho việc sử dụng sản phẩm cũng như trải nghiệm tốt, Bên B chấp nhận thực hiện trả phí trực tiếp từ tài khoản của mình cho Bên A bằng phương thức chuyển đổi trực tiếp sản phẩm tài chính ra số tiền tương ứng.

7.10. Sản phẩm tài chính được giao dịch thông qua tài khoản giao dịch của Bên A tại các Quỹ, Bên B hưởng toàn bộ lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư, việc sử dụng hệ thống của Bên A là thao tác thực hiện các giao dịch đầu tư, rút và chuyển đổi một cách thuận tiện, và Bên B cho phép Bên A đại diện thực hiện các giao dịch trên thay cho việc sử dụng văn bản.

7.11. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan có Nhà nước thẩm quyền đối với mỗi lần rút vốn đầu tư. Các bên thống nhất rằng, Bên B sẽ trích lại số tiền tương ứng là 0.1% trên tổng số tiền mỗi lần rút vốn đầu tư cho Bên A để Bên A thay mặt Bên B thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

7.12. Bên B có nghĩa vụ tự khai báo thuế thu nhập cá nhân với cơ quan thuế cho thu nhập cá nhân của mình phát sinh từ hoạt động đầu tư .

**ĐIỀU 8. BẢO MẬT THÔNG TIN**

8.1. Các bên có nghĩa vụ bảo mật mọi thông tin về nội dung của hợp đồng và bất kỳ thông tin nào khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, ngoại trừ trong các trường hợp việc tiết lộ thông tin đó là theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc việc tiết lộ thông tin đó là cho các đồng sở hữu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhân sự của các bên với điều kiện việc tiết lộ này được thực hiện thông qua ký kết một thỏa thuận bảo mật, theo đó bên được tiết lộ cam kết nghĩa vụ tuân theo các quy định về bảo mật thông tin như được quy định tại Điều này.

# 8.2. Nghĩa vụ bảo mật thông tin được tuân thủ bởi các bên trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực, sau khi hợp đồng đã hoàn thành và cả khi hợp đồng bị chấm dứt hoặc hủy bỏ.

**ĐIỀU 9. THỜI GIAN HỢP TÁC ĐẦU TƯ**

Thời gian hợp tác đầu tư được tính từ thời điểm Bên B hoàn tất việc đăng ký tài khoản tại Trang chủ của Bên A cho đến khi tài khoản của Bên B tại Savenow.vn có giá trị là không (0) đồng.

# ĐIỀU 10. CAM KẾT CHUNG

10.1. Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này sẽ được thực hiện bởi Bên A và có hiệu lực tức thì tại thời điểm hiệu lực của Phụ lục/Hợp đồng mới. Bên A sẽ có trách nhiệm thông báo tới Bên B về sửa đổi, bổ sung mới ít nhất bảy (07) ngày trước ngày hiệu lực của hợp đồng mới.

10.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này sẽ được các bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp không thể giải quyết, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi bên thứ ba có thẩm quyền.

10.3. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Bên B đăng kí tài khoản sử dụng với Bên A tại savenow.vn. Hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực khi Bên B có tài khoản sử dụng tại Savenow.vn là không (0) đồng.

10.4. Trong trường hợp tài khoản của Bên B có giá trị không (0) đồng và sau một thời gian Bên B đầu tư thêm với tài khoản hiện tại của Bên B tại Bên A, hợp đồng này sẽ có hiệu lực tức thì khi tài khoản của Bên B lớn hơn không (0) đồng.

10.5. Trong trường hợp vi phạm hợp đồng bởi Bên A, Bên A sẽ có trách nhiệm với Bên B cùng giải quyết các vấn đề vi phạm. Trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng, Bên A có quyền chấm dứt hợp tác với Bên B mà không phải báo trước.

10.6. Bản hợp đồng này được đọc kèm với Nội Dung Sử Dụng. Bản Nội Dung Sử Dụng có thể tìm thấy tại trang chủ của Bên A.

10.7. Trong trường hợp bản hợp đồng mới được cập nhật thì bản hợp đồng mới sẽ có hiệu lực thay thế cho bản hợp đồng cũ và Bên B sẽ mặc định chấp nhận các điều khoản theo Hợp đồng mới nhất.

10.8. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và là thỏa thuận chính thức duy nhất giữa các bên.

10.9. Hợp Đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

10.10. Hai bên đã đọc, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và hậu quả pháp lý khi ký kết Hợp Đồng này.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp lệ của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu Hợp Đồng./

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** | **BÊN B** |